

Số: 278/2022/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 353/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: số nhà 14, tổ 11, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1987;

Nơi thường trú: số nhà 14, tổ 11, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Chị C và anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu L, sinh ngày 08/11/2016. Các đương sự thống nhất thoả thuận như sau:

Chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung L, sinh ngày 08/11/2016 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung L, sinh ngày 08/11/2016 với mức 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng/tháng) đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3) Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

5) Về án phí:Chị C tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001320 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

6)Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THA dân sự TP. TN;
- UBND P. ĐQ, TPTN;
- Lưu: VP, HS.

Dương Thị Liên